

Số: **08** /2013/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **03** tháng **6** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 50/TTr-SKHĐT ngày 23/4/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

(Có Quy định chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 06/5/2008 của UBND tỉnh Lai Châu.

Đối với các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, chứng nhận ưu đãi đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được hưởng các mức ưu đãi theo quy định tại Quyết định này cho thời gian còn lại.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp; Cục Kiểm tra văn bản;
- TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài PT- TH tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo, CV các khối, TT Tin học và Công báo;
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Chử

QUY ĐỊNH

**Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, trình tự, thủ tục thực hiện
ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **08** /2013/QĐ-UBND ngày **03/6**/2013
của UBND tỉnh Lai Châu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về các nội dung ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu thực hiện theo Luật Đầu tư năm 2005; trình tự và thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Các nhà đầu tư khi thực hiện các dự án đầu tư vào Lai Châu ngoài các ưu đãi được hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước, còn được hưởng thêm các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh theo quy định tại Quyết định này.

3. Trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh, bổ sung các chế độ, chính sách, trình tự thủ tục do Trung ương ban hành khác với quy định này thì áp dụng theo quy định của Trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam, có dự án đầu tư (kể cả dự án đầu tư mở rộng) trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Bao gồm:

1. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư;
2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã;
3. Hộ kinh doanh, cá nhân;
4. Tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam.

Chương II

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỤ THỂ

Điều 3. Ưu đãi về đất đai

1. Địa điểm đầu tư

a) Nhà đầu tư được ưu tiên chọn địa điểm thực hiện dự án theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp khu vực chưa có quy hoạch chi tiết, nhà đầu tư có thể lập hoặc thuê tư vấn lập quy hoạch chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kinh phí quy hoạch chi tiết được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

2. Miễn, giảm tiền sử dụng đất

a) Nhà đầu tư có dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này nếu được nhà nước giao đất thì được miễn tiền sử dụng đất đối với dự án đầu tư đó.

b) Nhà đầu tư có dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này nếu được nhà nước giao đất thì được giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư đó.

c) Nhà đầu tư có dự án không thuộc quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này nếu được nhà nước giao đất thì được giảm 30% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư đó.

3. Giá thuê đất, thuê mặt nước

Nhà đầu tư có dự án đầu tư thực hiện đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư, nếu thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước thì được thuê với đơn giá đất, mặt nước do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm cho từng địa bàn. Đơn giá thuê đất, thuê mặt nước của mỗi dự án được ổn định 5 năm.

4. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước

a) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

b) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động, cụ thể như sau:

- Đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này thì được miễn mười lăm (15) năm.

- Đối với dự án không thuộc quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này thì được miễn mười một (11) năm.

5. Giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước

a) Giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này trong các trường hợp sau:

- Thuê đất, thuê mặt nước để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà bị thiên tai, hoả hoạn làm thiệt hại dưới 40% sản lượng được xét giảm tiền thuê tương ứng; thiệt hại từ 40% trở lên thì được miễn tiền thuê đối với năm bị thiệt hại.

- Thuê đất, thuê mặt nước để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh mà không phải là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản khi bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất khả kháng thì được giảm 50% tiền thuê đất, mặt nước trong thời gian ngừng sản xuất kinh doanh.

b) Thuê đất để sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh đối với hợp tác xã có dự án không thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục của Quy định này thì được giảm 50% tiền thuê đất.

6. Hỗ trợ thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân

Nhà đầu tư có dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục của Quy định này nếu thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để tiến hành dự án đầu tư đó thì được tính hỗ trợ 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước theo đơn giá đất, mặt nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cho 5 năm đầu tiên kể từ khi hoàn thành xây dựng cơ bản.

Điều 4. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Thuế suất ưu đãi

a) Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với: Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

b) Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại mục này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế.

c) Hết thời hạn được áp dụng mức thuế suất ưu đãi, nhà đầu tư phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

2. Miễn thuế, giảm thuế

Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại mục này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Trong năm tính thuế đầu tiên mà doanh nghiệp có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế dưới 12 (mười hai) tháng, doanh nghiệp được hưởng miễn thuế, giảm thuế ngay năm đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế từ năm tính thuế tiếp theo.

Điều 5. Ưu đãi về Thuế nhập khẩu

1. Hàng hoá nhập khẩu trong các trường hợp sau đây được miễn thuế nhập khẩu:

a) Hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư vào lĩnh vực được ưu đãi về thuế nhập khẩu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu. Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế công nghệ, đổi mới công nghệ.

b) Giống cây trồng, vật nuôi được phép nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

2. Miễn thuế lần đầu đối với hàng hoá là trang thiết bị nhập khẩu theo danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ, để tạo tài sản cố định của dự án được ưu đãi về thuế nhập khẩu.

Các dự án có hàng hoá nhập khẩu được miễn thuế lần đầu theo quy định này thì không được miễn thuế theo quy định tại Mục a Khoản 1 Điều này.

3. Nhà đầu tư chỉ được ưu đãi thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án khi đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật về Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và làm việc với cơ quan Hải quan để được hướng dẫn cụ thể thủ tục, danh mục hàng hóa được miễn, giảm thuế.

Điều 6. Ưu đãi về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu

1. Các ưu đãi về tín dụng đầu tư (cho vay đầu tư, hỗ trợ sau đầu tư) và tín dụng xuất khẩu được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước.

2. Các nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc danh mục vay vốn tín dụng đầu tư, có hợp đồng xuất khẩu, đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, có nhu cầu vay vốn tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, hỗ trợ sau đầu tư tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lai Châu đều được hướng dẫn đầy đủ về trình tự thủ tục để được hưởng các ưu đãi về tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, hỗ trợ sau đầu tư theo quy định của Nhà nước.

Điều 7. Hỗ trợ đầu tư

1. Hỗ trợ đào tạo lao động

a) UBND tỉnh khuyến khích các nhà đầu tư tiếp nhận lao động địa phương đã qua đào tạo. Trường hợp lao động địa phương đã được tiếp nhận nhưng chưa qua đào tạo hoặc chuyên ngành đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu, cần đào tạo và đào tạo lại thì được tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí.

b) Các dự án quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này có sử dụng từ 20 lao động trở lên (có hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động), được tỉnh hỗ trợ chi phí đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động

nông thôn. Việc thanh toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện thông qua cơ sở đào tạo nghề, khi người lao động được cấp chứng chỉ nghề. Cụ thể:

- Đối với lao động có hộ khẩu tại tỉnh Lai Châu: Mức hỗ trợ đào tạo lao động từ 02 đến 03 triệu đồng/người/khóa học.

- Đối với lao động ngoài tỉnh (không có hộ khẩu tại tỉnh Lai Châu): Mức hỗ trợ đào tạo lao động từ 01 đến 02 triệu đồng/người/khóa học.

2. Hỗ trợ cước phí vận tải

a) Nhà đầu tư có dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần cước phí vận tải hàng hóa là sản phẩm đầu ra của hàng hóa tiêu thụ trong nước của dự án đó từ nơi sản xuất tới nơi tiêu thụ, nếu khoảng cách từ nơi sản xuất tới nơi tiêu thụ từ 100 km trở lên.

b) Phần kinh phí được hỗ trợ là 50% cước phí vận tải thực tế, nhưng không quá 500.000.000 VNĐ/doanh nghiệp/năm. Dự án đầu tư chỉ được hỗ trợ kinh phí sau khi có đầy đủ chứng từ, vận đơn hợp lệ.

3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu kinh tế, gồm: Đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc

Trong phạm vi ngoài hàng rào không quá 500m: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư đối với các dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, 50% kinh phí đầu tư đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

4. Hỗ trợ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế

Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư hệ thống giao thông trực chính theo mức: 50% kinh phí đầu tư đối với các dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, 20% kinh phí đầu tư đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

5. Hỗ trợ kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng trong hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế

Việc đền bù giải phóng mặt bằng do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện tổ chức thực hiện, có phương án trình UBND cấp huyện phê duyệt theo quy định. Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được duyệt, nhà đầu tư ứng trước kinh phí cho UBND cấp huyện sở tại thực hiện chi trả. Sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động, ngân sách tỉnh hỗ trợ cho nhà đầu tư với mức 50% kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, 20% kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái

định cư đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 8. Ngoài nội dung ưu đãi hỗ trợ nêu trên, các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh còn được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẦU TƯ VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Điều 9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký dự án đầu tư

1. Dự án thuộc diện đăng ký đầu tư là dự án nằm trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt gồm:

a) Dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện nhưng nhà đầu tư có nhu cầu được xác nhận ưu đãi đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

b) Dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc các trường hợp sau:

- Dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư năm 2005;

- Dự án không thuộc đối tượng dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

c) Dự án có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

2. Hồ sơ đăng ký dự án đầu tư:

2.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đăng ký/đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (*theo mẫu*).

b) Tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Bản sao hộ chiếu, chứng minh nhân dân (*nhà đầu tư là cá nhân*), Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (*nhà đầu tư là tổ chức*)

c) Dự án đầu tư (giải trình kinh tế-kỹ thuật các nội dung chủ yếu: Tên dự án, địa điểm, diện tích đất dự kiến sử dụng, mục tiêu, quy mô dự án, vốn đầu tư, thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện dự án).

d) Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường được cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt theo theo Luật Bảo vệ Môi trường.

e) Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư do nhà đầu tư lập và tự chịu trách nhiệm (*đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài*).

f) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh).

g) Đối với trường hợp dự án đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư phải nộp kèm theo:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

- Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

2.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gốc).

3. Trình tự, thủ tục đăng ký dự án đầu tư

a) Chuẩn bị, nộp hồ sơ

Nhà đầu tư đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự án đầu tư và nộp hồ sơ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (Đối với dự án do UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư), tại Ban quản lý KCN, KKT (Đối với dự án do Ban quản lý cấp Giấy chứng nhận đầu tư) vào giờ hành chính các ngày làm việc. Cán bộ được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ viết giấy biên nhận hẹn ngày trả kết quả cho nhà đầu tư.

b) Xử lý hồ sơ

Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho nhà đầu tư các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo bằng văn bản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Đối với dự án do Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đầu tư, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý quyết định cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

c) Trả kết quả

Trả kết quả tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư vào giờ hành chính các ngày làm việc. Khi đến nhận giấy chứng nhận đầu tư nhà đầu tư phải xuất trình giấy biên nhận.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm tra dự án đầu tư

1. Dự án thuộc diện thẩm tra đầu tư gồm:

a) Dự án thuộc lĩnh vực chưa có quy hoạch hoặc không nằm trong quy hoạch, chưa rõ về sự phù hợp với quy hoạch.

b) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

c) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

d) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

e) Dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

2. Hồ sơ thẩm tra dự án đầu tư:

2.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đăng ký/đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (*theo mẫu*).

b) Tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Bản sao hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân (*nhà đầu tư là cá nhân*), Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (*nhà đầu tư là tổ chức*)

c) Dự án đầu tư (giải trình kinh tế-kỹ thuật các nội dung chủ yếu: Tên dự án, địa điểm, diện tích đất dự kiến sử dụng, mục tiêu, quy mô dự án, vốn đầu tư, thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện dự án).

d) Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường được cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt theo Luật Bảo vệ Môi trường.

e) Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư do nhà đầu tư lập và tự chịu trách nhiệm.

f) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh*).

g) Đối với trường hợp dự án đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư phải nộp kèm theo:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

- Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

h) Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

2.2. Số lượng hồ sơ: 08 bộ (trong đó có một 1 gốc).

3. Trình tự, thủ tục thẩm tra dự án đầu tư

a) Chuẩn bị, nộp hồ sơ

Nhà đầu tư đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự án đầu tư và nộp hồ sơ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (Đối với dự án do UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư), tại Ban quản lý KCN, KKT (Đối với dự án do Ban quản lý cấp Giấy chứng nhận đầu tư) vào giờ hành chính các ngày làm việc. Cán bộ được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ viết giấy biên nhận hẹn ngày trả kết quả cho nhà đầu tư.

b) Xử lý hồ sơ

Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của các cơ quan liên quan (nếu có); trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho nhà đầu tư các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung. Cơ quan được hỏi có ý kiến thẩm tra bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư.

- Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ thì trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư lập báo cáo thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về chủ trương đầu tư; Văn phòng Chính phủ thông báo bằng văn bản ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về dự án trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo thẩm tra). Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh hoặc Ban quản lý cấp Giấy chứng nhận đầu tư, trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

- Đối với dự án không thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ thì trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập báo cáo thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra, UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Trường hợp dự án do Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đầu tư, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý tổng hợp ý kiến các cơ quan được hỏi ý kiến để quyết định cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

c) Trả kết quả

Trả kết quả tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ vào giờ hành chính các ngày làm việc. Khi đến nhận giấy chứng nhận đầu tư nhà đầu tư phải xuất trình giấy biên nhận.

Điều 11. Thời hạn giải quyết và phí, lệ phí đăng ký dự án đầu tư, thẩm tra dự án đầu tư

1. Đối với dự án thuộc diện đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Đối với dự án thuộc diện thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư: 25 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ (Đối với dự án không thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ); 37 ngày làm việc (Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ). Trường hợp cần thiết có thể kéo dài nhưng không quá 45 ngày.

3. Phí, lệ phí: Không.

Điều 12. Thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư trong nước thuộc diện không phải đăng ký đầu tư và dự án thuộc diện đăng ký đầu tư quy định tại Điều 9 của quy định này, nhà đầu tư căn cứ vào các ưu đãi và điều kiện ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật để tự xác định ưu đãi và làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu xác nhận ưu đãi đầu tư thì làm thủ tục đăng ký đầu tư để cơ quan nhà nước quản lý đầu tư ghi ưu đãi đầu tư vào Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư trong nước thuộc diện thẩm tra đầu tư quy định tại Điều 10 của quy định này đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi, cơ quan nhà nước quản lý đầu tư ghi ưu đãi đầu tư vào Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi, cơ quan nhà nước quản lý đầu tư ghi ưu đãi đầu tư vào Giấy chứng nhận đầu tư.

Chương IV QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 13. Thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đã được chứng nhận tại Giấy chứng nhận đầu tư

1. Ngoài các điều kiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì các khoản ưu đãi, hỗ trợ đầu tư được chứng nhận tại Giấy chứng nhận đầu tư là căn cứ để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết cấp ưu đãi, hỗ trợ cho dự án đầu tư.

2. Nhà đầu tư phải hoàn chỉnh hồ sơ, phối hợp các cơ quan chuyên môn trực tiếp giải quyết từng loại hỗ trợ, ưu đãi đầu tư ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư để thực hiện ưu đãi, hỗ trợ theo quy định.

3. Việc áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại Điều 4 phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế theo quy định này là doanh nghiệp đăng ký kinh doanh lần đầu theo quy định tại Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi hoặc miễn, giảm thuế) và đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai; trường hợp có khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ không thể hạch toán riêng được thì khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ đó xác định theo tỷ lệ giữa chi phí được trừ hoặc doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh hưởng ưu đãi thuế trên tổng chi phí được trừ hoặc doanh thu của doanh nghiệp.

c) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai.

4. Về thực hiện hỗ trợ đào tạo lao động tại Khoản 1 Điều 7: Nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề từ ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ lao động nông thôn học nghề, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch đào tạo nghề hàng năm do Sở Lao động Thương binh và Xã hội xây dựng đề án và trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề sẽ được phân bổ và chi trả trực tiếp cho các cơ sở dạy nghề trong tỉnh. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục để được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề theo quy định.

5. Việc hỗ trợ đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 7 thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế.

b) Căn cứ các dự án đầu tư được chứng nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư, nhà đầu tư chủ động đề xuất với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã để lập hoặc phối hợp lập và đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư về kế hoạch đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế trước khi thực hiện đầu tư công trình.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Khu kinh tế; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ trong kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm của tỉnh, cân đối nguồn ngân sách địa phương tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kế hoạch bố trí vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư theo quy định.

d) Trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành quy định về phân cấp thẩm định, quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong đó, thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc diện hỗ trợ đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư, Phòng Tài chính Kế hoạch là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án. Nhà đầu tư phải tự bỏ kinh phí để thực hiện đảm bảo tiến độ cam kết, tỉnh sẽ thực hiện hỗ trợ sau khi hạng mục đầu tư xây dựng công trình được nghiệm thu thanh quyết toán và dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư đi vào hoạt động.

e) Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ của nhà đầu tư có dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc diện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đã được phê duyệt theo Điểm d nêu trên; căn cứ hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt và khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu, thanh quyết toán và mức ưu đãi hỗ trợ đã được chứng nhận tại Giấy chứng nhận đầu tư, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt mức hỗ trợ cho dự án theo quy định.

f) Nguồn kinh phí để thực hiện các ưu đãi về hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng được bố trí trong dự toán chi từ các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của ngân sách cấp tỉnh. Sở Tài chính kiểm tra, trực tiếp cấp phát đủ 100% số kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh cam kết hỗ trợ đã được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

Điều 14. Quyền hạn và trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước

Các cơ quan quản lý nhà nước có quyền hạn và trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Làm đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh trong việc xây dựng và rà soát các văn bản pháp luật về đầu tư; căn cứ vào quy hoạch phát triển từng vùng, từng ngành, lĩnh vực và từng thời kỳ để xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Chủ trì tổ chức việc đăng ký đầu tư, thẩm tra và tham mưu cho UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế hoặc dự án đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế (trường hợp khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế chưa thành lập Ban quản lý).

c) Phối kết hợp với các cơ quan liên quan, hướng dẫn giới thiệu nhà đầu tư làm việc trực tiếp với các cơ quan có liên quan (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công thương, UBND các huyện, thị xã...) để giải quyết các thủ tục như giao đất, đền bù giải phóng mặt bằng, cấp phép xây dựng...

d) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí vốn hỗ trợ đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước trình UBND tỉnh phê duyệt.

e) Làm đầu mối giải quyết các vấn đề phát sinh, kiến nghị của các nhà đầu tư, kiểm tra tình hình thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư, tình hình hoạt động của dự án đầu tư được cấp giấy chứng nhận đầu tư và hưởng chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh; định kỳ (3 tháng, 6 tháng và 1 năm) báo cáo UBND tỉnh về tình hình thu hút đầu tư và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh.

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các sở, ban, ngành liên quan ban hành các chính sách liên quan lĩnh vực hỗ trợ ưu đãi đầu tư, cân đối nguồn ngân sách hàng năm để phục vụ công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ đầu tư và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

- Phối hợp thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến tài chính và các khoản ưu đãi, hỗ trợ của dự án.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Khu kinh tế:

- Chủ trì tổ chức việc đăng ký đầu tư, thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế

- Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư trong các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Khu kinh tế.

4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

- Phối hợp xây dựng chính sách, quy hoạch đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, đồng thời phổ biến các chính sách pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã có liên quan đến lĩnh vực, ngành mình quản lý.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, danh mục dự án khuyến khích thu hút đầu tư của ngành; tổ chức vận động xúc tiến đầu tư; tham gia giải quyết các khó khăn, vướng mắc của dự án đầu tư trong lĩnh vực thuộc chuyên ngành quản lý được giao.

- Phối hợp thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản đảm bảo về thời gian, nội dung theo quy định. Nội dung thẩm tra bao gồm sự phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng - kỹ thuật; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; quy hoạch khoáng sản; môi trường; khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng và các nội dung khác có liên quan đến dự án.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện để nhà đầu tư hoàn tất các thủ tục liên quan đến dự án đầu tư đảm bảo theo quy định như: Giao đất, thuê đất; môi trường; cấp phép xây dựng; thẩm định thiết kế cơ sở; cấp phép khai thác khoáng sản, lao động... Đồng thời hướng dẫn, xem xét thực hiện ưu đãi đầu tư theo thẩm quyền.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã

- Giao nhiệm vụ và chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc Trung tâm phát triển quỹ đất để thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Phối hợp thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản trong quá trình thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư thực hiện đầu tư trên địa bàn.

- UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm liên hệ với nhà đầu tư có dự án hưởng ưu đãi trên địa bàn, thống nhất nội dung đầu tư và tổ chức thẩm định, phê duyệt, triển khai dự án hỗ trợ theo quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, đồng thời gửi quyết định phê duyệt cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, quản lý.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn theo thẩm quyền.

6. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

- Thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu, hạch toán độc lập, kê khai, nộp đủ các loại thuế theo quy định.

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh có trách nhiệm chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, các Luật pháp khác có liên quan và những nội dung tại quy định này.

- Nhà đầu tư phải tổ chức triển khai đúng tiến độ đã cam kết. Sau mười hai (12) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà nhà đầu tư không triển khai xây dựng hoặc dự án chậm tiến độ quá 12 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và không có lý do chính đáng được UBND tỉnh chấp thuận (đối với dự án ngoài Khu Công nghiệp, Cụm công nghiệp, Khu Kinh tế) hoặc Ban Quản lý Khu Kinh tế chấp thuận (đối với dự án trong Khu Công nghiệp, Cụm công nghiệp, Khu Kinh tế) thì UBND tỉnh sẽ chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, đồng thời Tỉnh không bồi thường kinh phí đã đầu tư xây dựng, nhà đầu tư phải

bồi hoàn lại các ưu đãi đã được hưởng và bị thu hồi đất đã cấp, mọi tổn thất nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cả năm gửi báo cáo về hoạt động đầu tư của dự án về Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo.

- Cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

1. Khen thưởng: Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xúc tiến kêu gọi, thu hút các nguồn lực đầu tư, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong việc thực hiện các quy định về ưu đãi đầu tư, hàng năm sẽ được xem xét đề nghị khen thưởng.

2. Xử lý vi phạm: Các tổ chức, cá nhân có hành vi gây khó khăn, cản trở cho quá trình kêu gọi và xúc tiến đầu tư, sách nhiễu nhà đầu tư tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thị xã và các nhà đầu tư kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.



Nguyễn Khắc Chữ

PHỤ LỤC

Danh mục Dự án ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu

I. Dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư:

1. Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, phôi thép.
2. Đầu tư xây dựng cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh vật, địa nhiệt.
3. Sản xuất xe, dụng cụ chuyên dùng cho người tàn tật.
4. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học để sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế; sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh.
5. Sản xuất máy tính, thiết bị thông tin, viễn thông, internet và sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm.
6. Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện điện tử kỹ thuật cao; sản xuất sản phẩm phần mềm, nội dung thông tin số; cung cấp các dịch vụ phần mềm, nghiên cứu công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.
7. Đầu tư sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, kiểm soát an toàn quá trình sản xuất công nghiệp.
8. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường.
9. Nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao.
10. Dự án sử dụng thường xuyên từ 5.000 lao động trở lên.
11. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
12. Đầu tư xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện thuốc lá.
13. Đầu tư thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh.
14. Đầu tư thành lập trung tâm lão khoa, hoạt động cứu trợ tập trung, chăm sóc người tàn tật, trẻ mồ côi.
15. Đầu tư xây dựng: trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao và đào tạo, huấn luyện thể thao cho người tàn tật; xây dựng cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải đấu quốc tế.
16. Đầu tư xây dựng chung cư cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên và xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội.

II. Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư:

1. Sản xuất: vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt cao; vật liệu tổng hợp thay thế gỗ; vật liệu chịu lửa; chất dẻo xây dựng; sợi thủy tinh; xi măng đặc chủng.

2. Sản xuất kim loại màu, luyện gang.

3. Sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại.

4. Đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện.

5. Sản xuất trang thiết bị y tế, xây dựng kho bảo quản dược phẩm, dự trữ thuốc chữa bệnh cho người đề phòng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm.

6. Sản xuất thiết bị kiểm nghiệm độc chất trong thực phẩm.

7. Nguyên liệu thuốc và thuốc phòng chống các bệnh xã hội; vắc xin; sinh phẩm y tế; thuốc từ dược liệu; thuốc đông y.

8. Đầu tư xây dựng cơ sở thử nghiệm sinh học, đánh giá tính khả dụng của thuốc; cơ sở dược đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng thuốc, nuôi trồng, thu hoạch và chế biến dược liệu.

9. Phát triển nguồn dược liệu và sản xuất thuốc từ dược liệu; dự án nghiên cứu, chứng minh cơ sở khoa học của bài thuốc đông y và xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm bài thuốc đông y; khảo sát, thống kê các loại dược liệu làm thuốc; sưu tầm, kế thừa và ứng dụng các bài thuốc đông y, tìm kiếm, khai thác sử dụng dược liệu mới.

10. Sản xuất sản phẩm điện tử.

11. Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết trong các lĩnh vực: khai thác mỏ, năng lượng, xi măng; sản xuất thiết bị nâng hạ cỡ lớn; sản xuất máy công cụ gia công kim loại, thiết bị luyện kim.

12. Đầu tư sản xuất khí cụ điện trung, cao thế, máy phát điện cỡ lớn.

13. Đầu tư sản xuất động cơ diezen; sản xuất máy, phụ tùng ngành động lực, thủy lực, máy áp lực.

14. Sản xuất: thiết bị, xe, máy xây dựng; thiết bị kỹ thuật cho ngành vận tải.

15. Đầu tư sản xuất thiết bị, máy cho ngành dệt, ngành may, ngành da.

16. Sản xuất nước hoa quả đóng chai, đóng hộp.

17. Sản xuất thiết bị xử lý chất thải.

18. Đầu tư xây dựng cơ sở, công trình kỹ thuật: phòng thí nghiệm, trạm thí nghiệm nhằm ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất; đầu tư thành lập viện nghiên cứu.

19. Dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động đến 5.000 lao động.

20. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã và phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn.

21. Đầu tư kinh doanh hạ tầng và đầu tư sản xuất trong cụm công nghiệp, điểm công nghiệp, cụm làng nghề nông thôn.



22. Xây dựng, cải tạo cầu, đường bộ, bến xe, nơi đỗ xe.

23. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung.

24. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư xây dựng trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo dân lập, tư thục ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, giáo dục đại học.

25. Thành lập bệnh viện dân lập, bệnh viện tư nhân.

26. Xây dựng: trung tâm thể dục, thể thao, nhà tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể thao; cơ sở sản xuất, chế tạo, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện tập luyện thể dục thể thao.

27. Thành lập: nhà văn hoá dân tộc; đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; rạp hát, trường quay, cơ sở in tráng phim, rạp chiếu phim; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu, bảo tồn bảo tàng, nhà văn hoá dân tộc và các trường văn hóa nghệ thuật.

28. Cung cấp dịch vụ kết nối, truy cập và ứng dụng internet, các điểm truy cập điện thoại công cộng.

29. Phát triển vận tải công cộng bao gồm: vận tải bằng máy bay; vận tải hành khách đường bộ bằng xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên; vận tải bằng công-ten-nơ.

30. Đầu tư di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi nội thị.

31. Đầu tư xây dựng chợ loại I, khu triển lãm.

32. Sản xuất đồ chơi trẻ em.

33. Tư vấn pháp luật, dịch vụ tư vấn về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

34. Sản xuất hoá chất cơ bản, hoá chất tinh khiết, hoá chất chuyên dùng, thuốc nhuộm.

35. Sản xuất nguyên liệu chất tẩy rửa, phụ gia cho ngành hoá chất.

36. Dự án đầu tư sản xuất trong các khu công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

III. Dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư:

1. Trồng, chăm sóc rừng, cây dược liệu.

2. Nuôi trồng nông, lâm, thủy sản trên đất hoang hoá, vùng nước chưa được khai thác.

3. Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.

4. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, thoát nước.

5. Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh, thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản, thuốc thú y.

6. Xây dựng chợ loại 1, khu triển lãm giới thiệu sản phẩm tại vùng nông thôn.

7. Ứng dụng công nghệ sinh học.

8. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

9. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia cầm, gia súc tập trung, công nghiệp.

10. Chế biến nông, lâm, thủy sản; bảo quản nông, lâm sản, thủy sản sau thu hoạch.

11. Thủy điện vừa và nhỏ (quy mô đến nhóm B); dự án năng lượng mới: điện mặt trời, điện gió, khí sinh vật, địa nhiệt; năng lượng tái tạo không phân biệt quy mô.

12. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

13. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.

14. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp - nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn; xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

15. Sản xuất máy phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.

16. Xây dựng: khu du lịch sinh thái; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

17. Phát triển và ươm tạo công nghệ cao.

18. Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến.

19. Chăn nuôi, sản xuất gia cầm, gia súc tập trung.

20. Xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại: siêu thị, trung tâm thương mại.

21. Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp, cây lâm nghiệp; dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

22. Dịch vụ tư vấn khoa học, kỹ thuật về gieo trồng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật.

23. Dịch vụ vệ sinh phòng, chống dịch bệnh ở vùng nông thôn.

24. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.

25. Sản xuất giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước; sản xuất bột giấy.

26. Dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tơ, sợi các loại; thuộc da, sơ chế da; sản xuất thiết bị máy móc cho ngành dệt, ngành may, ngành da./.

